

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 03-9-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: số 213, ấp B, xã L1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Thị Kim L2, thuộc Văn phòng luật sư Kim L2, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phạm Gia T, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 295/3 ấp B1, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Ngọc D, thuộc Văn phòng luật sư Phạm Ngọc D, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- Người làm chứng: Chị Cao Thị Mỹ L3, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã L1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Chị và anh T qua quen biết và tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2015. Đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, anh T có tính gia trưởng thường chửi mắng chị vô cớ ở nhà cũng như ở nơi làm việc nên thường xuyên cãi vã. Ngoài ra, anh T còn nhiều lần đến nhà cha mẹ ruột của chị để gây sự, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Gia P sinh ngày 22/11/2016 và Nguyễn Minh Đ sinh ngày 14/9/2018. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Về số tiền 110.000.000 đồng có gửi Ngân hàng nhưng do thời điểm chị có thai cháu thứ hai anh T không chăm lo nên chị đã dùng số tiền trên để trang trải cuộc sống và chi trả các chi phí để sinh con nên đến nay số tiền đó không còn. Trường hợp anh T yêu cầu chia thì chị cũng đồng ý trả cho anh T ½ số tiền trên.

- Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị quyết định ly hôn là khi chị sinh con thứ hai, anh T đến bệnh viện quậy làm ảnh hưởng đến sức khỏe của chị và con. Từ đó, cha mẹ chị cũng bức xúc mà có những lời lẽ nặng nề với anh T.

Bị đơn anh Nguyễn Phạm Gia T trình bày:

Thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân. Do cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, nhưng không trầm trọng nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ thương con và 02 con chung còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc của cha và mẹ.

Thời gian chị L về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh cũng thường tới lui chăm sóc con chung nhưng đã bị gia đình chị L cản trở, hành hung vô cớ có sự chứng kiến của chính quyền địa phương.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/11/2016 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/9/2018. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được nuôi 01 cháu vì chị L không đủ khả năng nuôi dưỡng cả 02 cháu.

Về tài sản chung: hiện vợ chồng có tiền gửi tiết kiệm là 110.000.000 đồng, do chị L đứng tên sổ tiết kiệm, nay anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng chị Cao Thị Mỹ L3 trình bày: Chị là thân nhân nuôi đẻ cho người thân của chị và ở cùng phòng với chị L, chị chứng kiến sự việc như sau: Vào khoảng 14 giờ 15 phút ngày 19/9/2018, khi chị L và bà Nguyễn Thị Hồng N là mẹ ruột của L đang chăm sóc bé chị L mới sinh, chị Nguyễn Thị Ngọc D (chị ruột của chị L) đang bế bé Nguyễn Gia P đi chơi ngoài phòng bệnh thì chị nghe trước phòng bệnh tiếng kêu cứu của cô D “Mẹ ơi cứu con”, chị chạy ra xem thì thấy anh T đang giật bé Gia P trên tay của chị D. Lúc này P rất sợ sệt và hoảng loạn, khóc rất lớn khi đó bà N cũng từ trong phòng chạy ra ôm đưa bé lại từ tay anh T. Anh T đi đến đây cùng với mẹ ruột.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 36 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Phạm Gia T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 03/5/2019, chị Nguyễn Thị Hồng L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Phạm Gia T nhằm giúp cho chị được giải thoát về mặt tinh thần, ổn định về tâm lý để tập trung chăm lo cho con cái. Về con chung: Yêu cầu giải quyết cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng gồm: Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/11/2016. Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/9/2018.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn anh Nguyễn Phạm Gia T có đơn xin vắng mặt. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Dương Thị Kim L2: Luật sư đưa ra nhiều lập luận cho rằng hôn nhân giữa anh Nguyễn Phạm Gia T và chị Nguyễn Thị Hồng L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hồng L, sửa án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Phạm Ngọc D: Luật sư cho rằng mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Phạm Gia T và chị Nguyễn Thị Hồng L là không lớn có thể hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hồng L, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Phạm Gia T có đơn xin vắng mặt và người làm chứng Cao Thị Mỹ L3 có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Liên là có căn cứ đúng quy định tại Điều 229, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện anh Nguyễn Phạm Gia T xin ly hôn và xin được nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L với bị đơn anh Nguyễn Phạm Gia T là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng L đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày chị và anh Gia T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 chung sống hạnh phúc đến năm 2016. Sau khi kết hôn, anh và chị sống tại phòng trọ L3 tại địa chỉ tổ 7, ấp B1, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, đến trước khi sinh con thứ nhất thì chị L về nhà cha mẹ ruột ở để sinh con, anh có tới lui thăm nom.

Án sơ thẩm nhận định, giữa anh T và chị L chưa có khoảng thời gian nào để vợ chồng cùng tìm biện pháp cải thiện tình trạng hôn nhân, mà các mâu thuẫn của vợ chồng cũng xuất phát từ những người khác là chưa phù hợp.

Theo chị L trình bày: Trước khi sinh con đầu lòng chị đã chuyển về nhà cha mẹ ruột cho đến nay, lúc bé Nguyễn Gia P được 06 tháng tuổi thì thời gian thăm con thưa dần, đi làm về chỉ ghé một chút rồi đi. Từ tháng 5/2018 đến 18/10/2018 anh T không hề thăm nom, chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần. Đến khi chị sinh cháu thứ hai thì anh T xuống bệnh viện phụ sản quấy rối giật bé Gia P, anh T cho rằng anh chỉ xuống thăm con là không đúng thực tế, theo lời trình bày của người làm chứng Cao Thị Mỹ L3 “thấy anh T đang giật đứa bé trai Gia P trên tay của cô D, lúc này đứa bé hoảng loạn, sợ sệt và khóc rất lớn...Lúc này, L mặt mày xanh lét vừa ôm vết mổ, vừa chạy từ trong phòng ra...” (BL 37). Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã trầm trọng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Sau khi xử sơ thẩm, đến nay anh T và chị L vẫn không hàn gắn được tình cảm. Hơn nữa khi cháu Minh Đ bệnh nằm ở bệnh viện nhi đồng 1, chị có báo tin nhưng anh T không đến thăm và sinh nhật đầu tiên của cháu Minh Đ, anh T cũng không đến dự, chứng tỏ tình cảm của anh chị không còn, xét thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của chị L.

[5] Về con chung: có 02 con chung tên: Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/11/2016. Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/9/2018.

Tại phiên tòa, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên chưa giải quyết về con chung. Tuy nhiên, cả 02 cháu Nguyễn Gia P và Nguyễn Minh Đ đều dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giao 02 cháu Nguyễn Gia P và Nguyễn Minh Đ cho chị Nguyễn Thị Hồng L là mẹ trực tiếp nuôi là phù hợp khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: Chị L trình bày không có, có 110.000.000 đồng gửi tiết kiệm nếu anh T yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ chị đồng ý. Tuy nhiên, anh T không yêu cầu nên nếu có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

[7] Xét các lập luận và đề nghị của luật sư phía nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Xét các lập luận và đề nghị của luật sư phía bị đơn trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 36 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng L, sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L: chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Phạm Gia T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/11/2016 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013356 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M nên xem như đã nộp xong.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Hồng L tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0014195 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 03 tháng 9 năm 2019 có mặt chị L, luật sư D, luật sư L2, vắng mặt anh T.

Nơi nhận:

- TAND thành phố M;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan